

Biểu mẫu 01

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT

TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Cân nặng BT 100% Chiều cao BT 96% Trẻ PT-BT 96%	Cân nặng BT; 98,7% Chiều cao BT 98,3% Trẻ PT-BT 98,3 %
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình GDMN sau sửa đổi	Chương trình GDMN sau sửa đổi
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	-Thể chất 80% -Nhận thức 81% -Ngôn ngữ 82% -TC,KNXH vàTM 80%	-Thể chất 92% -Nhận thức 90% -Ngôn ngữ 92% -TC,KNXH 95% - Thẩm mỹ 94%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội -Trải nghiệm kỹ năng sống - Các lớp học ngoại khóa	Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội -Trải nghiệm kỹ năng sống - Các lớp học ngoại khóa

Tân Định, ngày 25 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Biểu mẫu 02

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT

TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH

THÔNG BÁO**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	334	0	0	25	44	105	160
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	334	0	0	25	44	105	160
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	334	0	0	25	44	105	160
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	334	0	0	25	44	105	160
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	334	0	0	25	44	105	160
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	330	0	0	25	43	104	158
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	0	1	1	2

3	Số trẻ có chiều cao bình thường	328	0	0	24	41	104	159
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	6	0	0	1	3	1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	40	0	0	3	2	12	23
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	25	0	0	25			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	309	0	0	0	44	105	160

Tân Định, ngày 25 tháng 05 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Biểu mẫu 03

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT

TRƯỜNG MẦM NON TÂN ĐỊNH

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	10,99 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	09	1,9 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.693	10,99 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.409	7,16 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	661	1,96 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12,24	0,36 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	228,2	0,67 m ² /trẻ em
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục âm nhạc (m²)</i>	60	0,17 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	68,76	0,2 m ² /trẻ em

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	25	25 bộ/ lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	28	28 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	9	01 bộ/ lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy pho to	01	
2	Máy giặt	02	
3	Tủ hấp cơm	01	
4	Tủ sấy chén	01	
5	Tủ lưu mẫu	01	
6	Máy scan	01	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		5		

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			4		
---	-------------------------	--	--	---	--	--

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Tân Định ngày 22 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

[illegible]

	toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên khác	14					14								
..	..														

Giáo viên đang theo học đại học 03 (biên chế : 02, hợp đồng 01)

Tân Định, ngày 25 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị